

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh H1.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.*

*- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.*

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.*

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thanh H - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Hoàng Đan, xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Đình H1 (Vũ Ngọc H1) - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Hoàng Đan, xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh H1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày: Chị chung sống với anh Vũ Ngọc H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 22/01/1999. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 nghiện ma túy, không

chịu làm ăn, bán hết tài sản gia đình; tháng 6/2020 anh H1 bị kết án về tội ma túy đến tháng 12/2021 thì ra trại về nhà sinh sống; tuy nhiên anh H1 vẫn không thay đổi nên chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng với anh H1 từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Vũ Thị L, sinh ngày 27/6/1999 và cháu Vũ Anh K, sinh ngày 25/10/2009. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh H1 pH1 cấp dưỡng nuôi con; cháu L đã có gia đình nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Vũ Ngọc H1 trình bày: Anh chung sống với chị Trịnh Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 22/01/1999. Vợ chồng chung đến tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh pH1 đi chấp hành án, nên chị H chán nản dẫn đến tình cảm phai nhạt. Anh H1 muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H nhất quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Vũ Thị L, sinh ngày 27/6/1999 và cháu Vũ Anh K, sinh ngày 25/10/2009. Sau ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung; cháu L đã có gia đình nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã về địa pH để xác minh, thu thập chứng cứ được biết: Chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 22/01/1999. Do anh H1 nghiện ma túy, bán hết tài sản, nợ nần nhiều và bị kết án về tội ma túy nên anh chị phát sinh mâu thuẫn; hiện nay anh H1 và chị H đang sống ly thân. Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Vũ Thị L, sinh ngày 27/6/1999 và cháu Vũ Anh K, sinh ngày 25/10/2009. Cháu L đã có gia đình, cháu K hiện đang ở với chị H. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân giữa chị H và anh H1 không có. Quan điểm của chính quyền địa pH đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc với Công an xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định được biết: Anh Vũ Đình H1 trong dữ liệu dân cư, sổ hộ khẩu gia đình và anh Vũ Ngọc H1 trong giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của cháu L, cháu K là một người.

Do anh H1 vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật.

Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H, xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1. Về con chung, cháu Vũ Thị L đã trưởng thành nên không đề cập xem xét; giao cháu Vũ Anh K, sinh ngày 25/10/2009 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân, chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí sơ thẩm ly hôn chị Trịnh Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1 có đơn xin xét xử vắng

mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh chị theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1 kết hôn vào ngày 22/01/1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 nghiện ma túy, không chịu làm ăn, bán tài sản gia đình và bị kết án; chị H và anh H1 đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2022 cho đến nay. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1 có 02 con chung là cháu Vũ Thị L, sinh ngày 27/6/1999 và cháu Vũ Anh K, sinh ngày 25/10/2009; cháu L đã trưởng thành nên chị H anh H1 không đề nghị giải quyết. Sau ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con; anh H1 cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu K có nguyện vọng ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1 không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Vũ Anh K, sinh ngày 25/10/2009 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị H về việc không yêu cầu anh Vũ Ngọc H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003608 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị H và anh Vũ Ngọc H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Hưng;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

**Vũ Tiến Mãn**



